

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 275/UBCK-GSDC ngày 09/01/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang, cấp lần đầu ngày 24/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 384 4848

Fax: (0296) 395 9552

Website: moitruongdothi.angiang.org.vn

Email: ctymtdtag@gmail.com

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 20/06/2022: 198.930.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: 1900 6446

Fax: (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Bà Lê Thị Cẩm Tiên

Chức vụ: Thư ký Hội đồng quản trị

Điện thoại: (0296) 384 4848

Email: ctien2505@gmail.com



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	5
1.1. Thông tin chung về Công ty	5
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	6
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	6
1.4. Quá trình tăng vốn	8
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	10
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.	12
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/04/2022	12
4.2. Cổ đông sáng lập	12
4.3. Cơ cấu cổ đông	13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch.	13
6. Hoạt động kinh doanh	14
6.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty	14
6.2. Cơ cấu doanh thu thuần qua 02 năm gần nhất	15
6.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua 02 năm gần nhất	16
6.4. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất.	17
7.1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất	17
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty	18
8. Vị thế của Công ty trong ngành	19
9. Chính sách đối với người lao động	20
9.1. Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2021)	20
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	20
10. Chính sách cổ tức	21
11. Tình hình tài chính	21



11.1. Thông tin về năm tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang	21
11.2. Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ).....	21
11.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn	22
11.4. Trích lập các quỹ theo luật định	22
11.5. Các khoản phải nộp theo Luật định	22
11.6. Tình hình công nợ.....	24
11.7. Các khoản đầu tư tài chính	26
11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	28
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	34
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKGD (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	36
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	36
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	36
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	38
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị	38
2. Ban kiểm soát	44
3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	47
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	48
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	49
6. Thông kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất).....	70
III. PHỤ LỤC.....	71

**DANH SÁCH BẢNG BIỂU**

Bảng 1. Danh sách cổ đông lớn	12
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông.....	13
Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần (DTT) qua 02 năm gần nhất.....	15
Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp (LNG) qua 02 năm gần nhất	16
Bảng 5. Cơ cấu chi phí qua 02 năm gần nhất.....	16
Bảng 6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm 2020 - 2021	17
Bảng 7. Cơ cấu người lao động	20
Bảng 8. Mức chi trả cổ tức trong 2 năm 2020 - 2021	21
Bảng 9. Số dư các quỹ	22
Bảng 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22
Bảng 11. Tổng nợ phải trả	24
Bảng 12. Các khoản phải thu.....	25
Bảng 13. Hàng tồn kho	26
Bảng 14. Các khoản đầu tư tài chính	26
Bảng 15. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27
Bảng 16. Danh mục đất đai	28
Bảng 17. Tài sản cố định	31
Bảng 18. Tài sản dở dang	32
Bảng 19. Chi phí xây dựng dở dang	32
Bảng 20. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	34
Bảng 21. Danh sách Hội đồng quản trị.....	38
Bảng 22. Danh sách ban kiểm soát.....	44
Bảng 23. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	47
Bảng 24. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	49
Bảng 25. Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Người nội bộ.....	70

**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Thông tin chung về Công ty**

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
Tên tiếng Anh : AN GIANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : CÔNG TY CP MTĐT AN GIANG

Logo : 

Địa chỉ trụ sở chính : Số 128 Nguyễn Trường Tộ, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Số điện thoại : (0296) 384 4848

Số Fax : (0296) 3959 552

Website : moitruongdothi.angiang.org.vn

Email : ctymtdtag@gmail.com

Vốn điều lệ đăng ký : 198.930.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 198.930.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn: Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Minh Tâm: Tổng Giám đốc Công ty

Giấy CNĐKDN số: Giấy chứng nhận ĐKDN số số 1601604590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 24/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018.

Ngành, nghề kinh doanh:

Theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty có các sản phẩm dịch vụ chính chủ yếu sau:

- Quét rác đường phố, vỉa hè; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, y tế, công nghiệp; khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; sơn vạch kẻ đường;
- Rút hầm cầu, hầm lửng; cung cấp dịch vụ vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân;
- Thi công xây dựng công trình cầu, đường, dân dụng, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước thải.



Dịch vụ chăm sóc cây xanh



Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán : AGE

Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 19.893.000 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức ĐKGD: 15.100 cổ phiếu

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Hiện tại, Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/06/2021 của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 0,0005% VDL.

Công ty cổ phần hóa theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh An Giang. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại ngày 03/10/2018. Tại thời điểm chuyển đổi, Công ty có 341 cổ đông, nhà nước nắm 97,88%. Hiện nay, Công ty chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch Upcom theo quy định tại Điều 133 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán 2019.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1999: Công ty Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1649/QĐUB-TC ngày 31/07/1999 của UBND tỉnh An Giang.

Năm 2004: Ban Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1531/QĐ-UB-NV ngày 11/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở chuyển đổi Công ty Công trình



Đô thị Long Xuyên thành đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thuộc UBND thành phố Long Xuyên.

Năm 2011: Ban Công trình Đô thị Long Xuyên chuyển đổi hình thức hoạt động từ đơn vị sự nghiệp có thu sang Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang có điều lệ đăng ký là 204,0072 tỷ đồng, vốn thực góp là 24 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang làm chủ sở hữu, theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Đồng thời, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24/11/2011.

Năm 2015: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang được chuyển giao hoạt động dịch vụ công ích cấp huyện theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 18/08/2015 do UBND tỉnh An Giang phê duyệt.

Năm 2016: Công ty đã thành lập các Xí nghiệp Môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang vào ngày 01/01/2016. Các xí nghiệp này là các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc.

Năm 2017: Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa theo quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND Tỉnh An Giang với số cổ phần dự kiến chào bán lần đầu là 19.893.000 cổ phần, trong đó:

- Cổ phần nhà nước: 9.747.600 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty: 576.400 cổ phần; chiếm 2,9% vốn điều lệ, gồm:
 - + Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 504.600 cổ phần, chiếm 2,54%;
 - + Cổ phần bán cho CBCNV theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty: 71.800 cổ phần, chiếm 0,36%. (Số cổ phần này sẽ bị hạn chế ít nhất 03 năm)
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 9.569.000 cổ phần, chiếm 48,1% vốn điều lệ.

Năm 2018: Ngày 28/03/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang nhận được Công văn số 4375/ VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc cấp mã chứng khoán AGE để Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Ngày 18/04/2018, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang đã tiến hành bán đấu giá lần đầu ra công chúng số lượng cổ phần là 9.569.000 (ứng với 48,1% số cổ phần có quyền biểu quyết). Theo phương án cổ phần hóa, trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán công khai thì báo cáo UBND tỉnh An Giang thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ngày 14/09/2018, việc bán cổ phần của Công ty đã hoàn tất với kết quả như sau:

- Cổ phần nhà nước: 19.471.800 cổ phần, chiếm 97,883% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty: 421.000 cổ phần; chiếm 2,116% vốn điều lệ, gồm:
 - + Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:



- 393.300 cổ phần, chiếm 1,977%;
- + Cổ phần bán cho CBCNV theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty: 27.700 cổ phần, chiếm 0,139%. (Số cổ phần này sẽ bị hạn chế ít nhất 03 năm)
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 200 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang nhận bàn giao vốn, tài sản, lao động tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 02/10/2018 từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang.

Từ ngày 03/10/2018, Công ty chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang sang Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2018 với vốn điều lệ ban đầu là 198.930.000.000 đồng. Trong đó, Nhà nước nắm giữ 97,88% trong cơ cấu vốn điều lệ.

Năm 2019: Ngày 09/01/2019, Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang nhận được công văn chấp thuận số 275/ UBCK-GSĐC của UBCKNN về việc chính thức trở thành công ty đại chúng. - Ngày 02/08/2019, Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) số 7183/VSD - ĐK về việc đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang. Số lượng chứng khoán lưu ký là 19.893.000 cổ phần

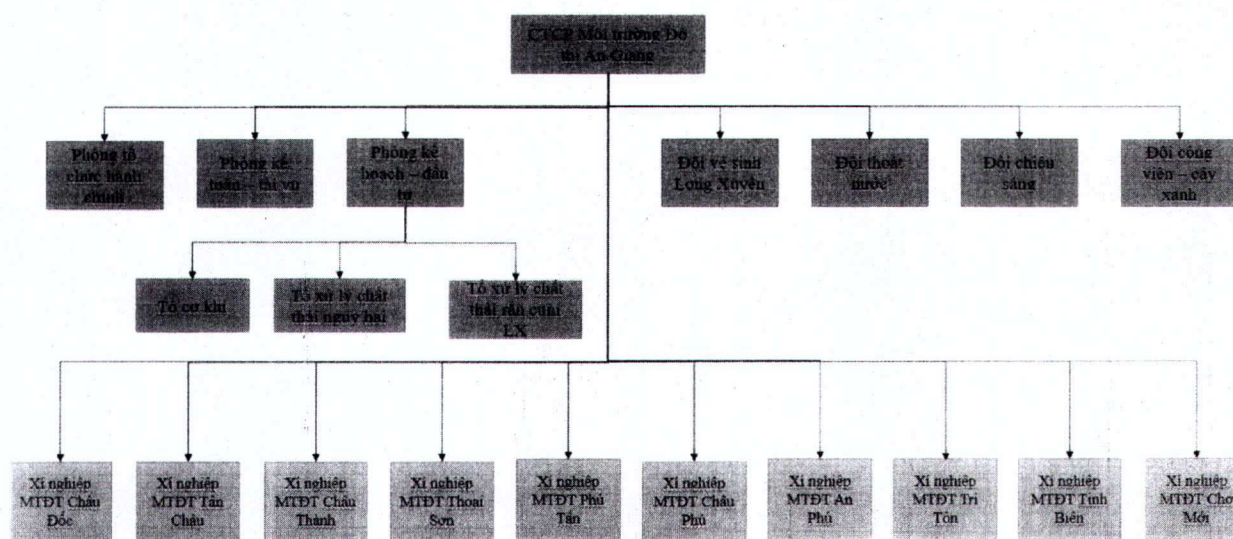
Năm 2021: Ngày 06/07/2021, Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang đã hủy tư cách Công ty đại chúng theo công văn số 3374/UBCK –GSĐC của UBCKNN do 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết chưa được nắm giữ bởi ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn.

1.4. Quá trình tăng vốn

Từ khi đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đến nay, Công ty không tiến hành tăng Vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

CTCP Môi trường Đô thị An Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Trụ sở chính và các phòng, ban, xí nghiệp:

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Phòng Tổ chức - Hành chính

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Phòng Kế toán - Tài vụ

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Phòng Kế hoạch Đầu tư

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Tổ cơ khí

Địa chỉ: Xã Bình Hoà, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Tổ xử lý chất thải nguy hại

Địa chỉ: Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Tổ xử lý chất thải rắn cặn Long Xuyên

Địa chỉ: Xã Bình Hoà, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Đội vệ sinh Long Xuyên

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Đội thoát nước

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Đội chiếu sáng

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Đội công viên - cây xanh

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Châu Đốc

Địa chỉ: Số 269 Hoàng Diệu, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Tân Châu

Địa chỉ: Số 21 Lê Thị Riêng, Khóm Long Thạnh, Phường Long Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An



Giang

Xí nghiệp MTĐT Châu Thành

Địa chỉ: Ấp Bình Phú 1, Xã Bình Hoà, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Thoại Sơn

Địa chỉ: Nguyễn Huệ, Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Phú Tân

Địa chỉ: Số 109 Ấp Thượng 2, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Châu Phú

Địa chỉ: Số 44 Hai Bà Trưng, Ấp Bình Hoà, Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT An Phú

Địa chỉ: Số 2729 Ấp Phú Mỹ, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Tri Tôn

Địa chỉ: Số 14, Đường số 2, KDC Sao Mai, Khóm 5, Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang

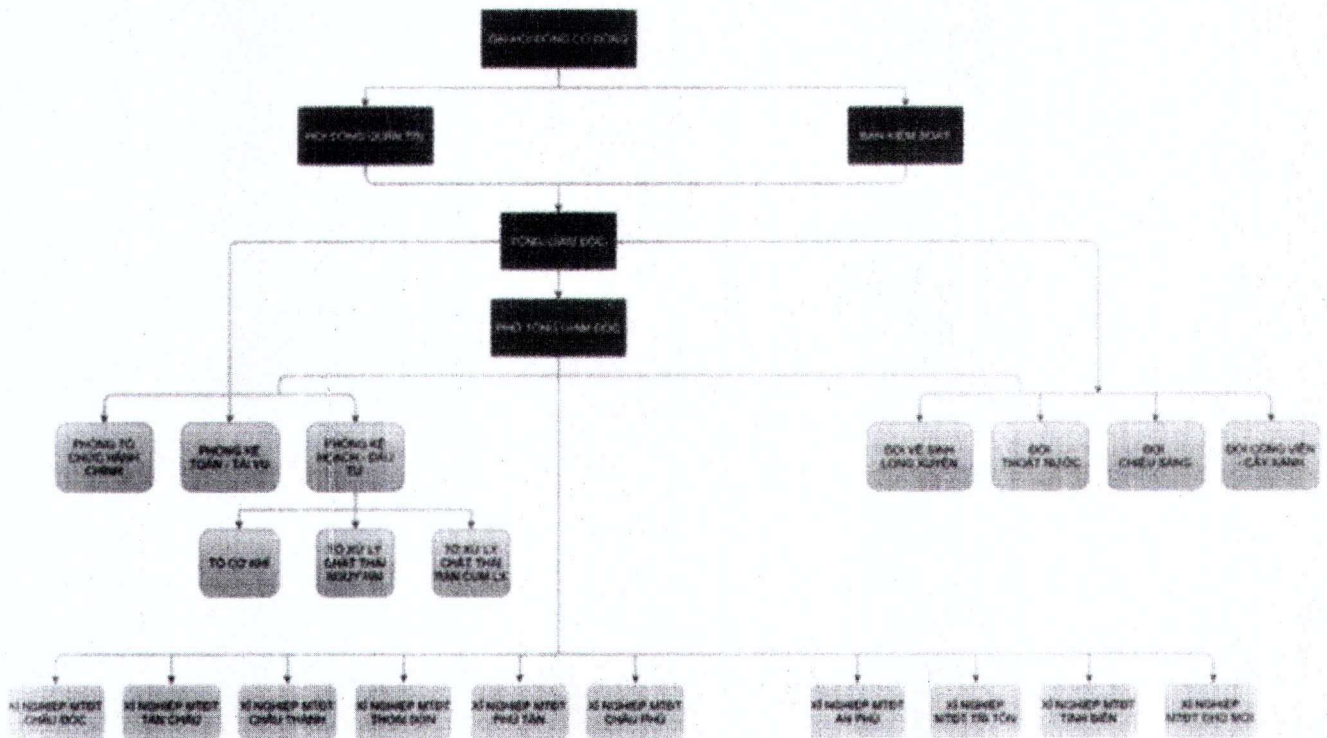
Xí nghiệp MTĐT Tịnh Biên

Địa chỉ: Ấp Hoà Hưng, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang

Xí nghiệp MTĐT Chợ Mới

Địa chỉ: Khu đô thị Dream City, Ấp Thị, Thị trấn Mỹ Luông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: CTCP Môi trường Đô thị An Giang



Đại Hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Tổng Giám Đốc: Tổng Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Các phòng ban chức năng

Phòng Tổ chức – Hành chính:

- Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác tổ chức cán bộ, quản lý và bố trí nhân sự, thực hiện các chế độ chính sách, lao động tiền lương, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác hành chính, văn thư, lưu trữ và lễ tân, khánh tiết; bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Thực hiện đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của Lãnh đạo Công ty với các bộ phận chuyên môn.

Phòng Kế toán – Tài vụ: Phòng Kế toán - Tài vụ có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty điều hành công tác tài chính và hạch toán kế toán. Thực hiện theo dõi công tác thu chi tài chính, tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập, chi trả theo quy chế trả lương, trả thưởng đối với người lao động trong Công ty. Phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng quy chế quản lý nội bộ theo đúng quy định và phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.

Phòng Kế hoạch – Đầu tư: Phòng Kế hoạch – Đầu tư là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, quản lý điều hành Công ty các lĩnh vực sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu việc mua sắm phương tiện, thiết bị, vật tư nhiên liệu, hợp đồng sửa chữa phương tiện thiết bị và những hợp đồng trên các lĩnh vực khác theo quy định hiện hành.
- Quản lý các dự án do Công ty làm chủ đầu tư (xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa).
- Quản lý các bộ phận trực thuộc: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại. Tổ cơ khí, Khu liên hợp



xử lý CTR cụm Long Xuyên - Châu Thành.

Xí nghiệp MTĐT Châu Đốc

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn các phường, xã thuộc TP. Châu Đốc.

Xí nghiệp MTĐT Tân Châu

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc Huyện Tân Châu.

Xí nghiệp MTĐT Châu Thành

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Châu Thành.

Xí nghiệp MTĐT Thoại Sơn

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Thoại Sơn.

Xí nghiệp MTĐT Phú Tân

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Phú Tân.

Xí nghiệp MTĐT Châu Phú

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Châu Phú.

Xí nghiệp MTĐT An Phú

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện An Phú.

Xí nghiệp MTĐT Tri Tôn

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Tri Tôn.

Xí nghiệp MTĐT Tịnh Biên

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Tịnh biên.

Xí nghiệp MTĐT Chợ Mới

Đang đảm nhiệm phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc huyện Chợ Mới.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/04/2022

Bảng 1. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)/VDL thực góp
1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	-	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	19.471.800	97,88%
Tổng cộng				19.471.800	97,88%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/04/2022

4.2. Cổ đông sáng lập

Không có

016
TY
AN
ĐÔ
NG
T.A



4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	341	19.893.000	100%
1	Trong nước	340	19.892.900	100%
1.1	Nhà nước	1	19.471.800	97,88%
1.2	Tổ chức	-	-	-
1.3	Cá nhân	339	421.100	2,12%
2	Nước ngoài	1	100	0,00%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức Kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	100	0,00%
2.2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	341	19.893.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	1	19.471.800	97,88%
2	Cổ đông khác	340	421.200	2,12%
	Tổng cộng	341	19.893.000	100%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/04/2022

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch.

- Công ty mẹ: Không có



- Công ty con: Không có
- Công ty liên kết: Không có
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng dân dụng.

- Cung cấp dịch vụ công ích: Công ty thực hiện các hoạt động như quét rác đường phố, vỉa hè, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, nạo vét mương nổi các tuyến đường hẻm và tiếp nhận công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (rác tự quản) các phường, xã trên địa bàn thành phố Long Xuyên.
- Xây dựng dân dụng: Công ty thực hiện thi công xây dựng công trình cầu, đường, dân dụng, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước thải. Một số dự án tiêu biểu công ty đã hoàn thành như Xây dựng trụ sở làm việc cho Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới và Tịnh Biên, cải tạo hồ chôn lấp hợp vệ sinh ô số 1 phù đỉnh và hệ thống xử lý nước rỉ rác Kênh 10 Châu Đốc,.....

Địa bàn hoạt động:

Công ty cung cấp các sản phẩm dịch vụ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tiến độ thực hiện các dự án:

1. Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Chợ Mới (công suất 100 tấn/ngày)

- Phần xây dựng: Đã nghiệm thu hoàn thành.
- Phần thiết bị: Đạt 100% công tác lắp đặt thiết bị, đang nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị.
- Hồ sơ đất: Theo dõi thủ tục thuê đất từ Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Tổ chức mời nhà thầu và các bên có liên quan họp trao đổi làm việc tại hiện trường nhằm đẩy nhanh tiến độ đưa nhà máy vào vận hành thử nghiệm.

2. Trang bị mua xe chuyên dùng: Đã thương thảo và ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu.

3. Xây dựng hồ chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên:

- Công trình đã giao mốc và khởi công ngày 22/9/2020.
- Hoàn thành phần xây dựng bể xử lý nước rỉ rác, đã lắp đặt thiết bị xử lý nước. Đang vận hành chạy thử nghiệm hệ thống xử lý nước rỉ rác.
- Hoàn thành phần xây dựng ô chôn lấp rác gồm có 4 ô xử lý rác.
- Đang thực hiện thủ tục để vận hành thử nghiệm các công trình xử lý rác theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Di dời Nhà máy xử lý chất thải nguy hại: Theo dõi đơn đốc đơn vị tư vấn lập hồ sơ.

Trong bối cảnh Việt Nam và cả thế giới chung sức chống lại sự lan rộng từ đại dịch COVID-19 bằng nhiều chính sách về kinh tế - xã hội, Tỉnh An Giang nơi chung và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang chịu nhiều tác động tích cực và gián tiếp. Theo đó, tổng doanh thu thuần năm 2021 đạt 282,84 tỷ đồng, tăng 8,47% so với năm 2020. Trong đó, tỷ trọng của các hoạt động dịch vụ công ích chiếm phần lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty với tỷ lệ 74,61%, tương ứng 211,03 tỷ đồng. Trong năm 2021, công ty tạm dừng hoạt động kinh doanh ở mảng xây dựng và đã nới lại hoạt động này vào đầu năm 2022. Doanh thu từ các hoạt động còn lại có giá trị 71,81 tỷ đồng, chiếm 25,39% tổng doanh thu.

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	% tăng/giảm	Giá trị	Tỷ trọng
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng				
1. DTT dịch vụ công ích	236.684.105.026	90,77%	211.025.664.727	74,61%	(25.658.440.299)	(10,84%)	22.427.567.896	73,36%
2. DTT dịch vụ khác	23.749.812.388	9,11%	71.810.631.746	25,39%	48.060.819.358	202,36%	8.075.129.365	26,41%
3. DTT hợp đồng xây dựng	317.140.000	0,12%	-	-	(317.140.000)	(100%)	69.759.091	0,23%
Tổng cộng	260.751.057.414	100%	282.836.296.473	100%	22.085.239.059	8,47%	30.572.456.352	100%

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần (DTT) qua 02 năm gần nhất

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần qua 02 năm gần nhất



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Cênh lệch	% tăng/giảm	Đơn vị tính
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng			
1. Giá vốn hàng bán	224.010.534.798	92,81%	244.882.457.584	93,59%	20.871.922.786	9,32%	84,52%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.070.394.337	7,07%	16.598.481.762	6,34%	(471.912.575)	-2,76%	14,27%
3. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
4. Chi phí tài chính	-	-	25.835.624	0,01%	25.835.624	-	-
5. Chi phí khác	274.367.229	0,11%	158.874.618	0,06%	(115.492.611)	-42,09%	1,21%
Tổng cộng	241.355.296.364	100%	261.665.649.588	100%	20.310.353.224	8,42%	84,52%

Bảng 5. Cơ cấu chi phí qua 02 năm gần nhất

6.4. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Tổng lợi nhuận gộp các mảng hoạt động năm 2021 của Công ty ghi nhận 37,95 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp (LNG/DT) của mảng dịch vụ khác như vận chuyển rác thải, xử lý chất thải nguy hại... đạt 30,46%. Biên lợi nhuận gộp mạnh dịch vụ công ích đạt 7,62%.

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Cênh lệch	% tăng/giảm	Đơn vị tính
	Giá trị	LNG/DT	Giá trị	LNG/DT			
1. LNG dịch vụ công ích	19.968.717.726	8,44%	16.082.893.540	7,62%	(3.885.824.186)	-19,46%	5,62%
2. LNG dịch vụ khác	16.665.310.636	70,17%	21.870.945.349	30,46%	5.205.634.713	31,24%	78,72%
3. LNG hợp đồng xây dựng	106.494.254	33,58%	-	-	(106.494.254)	-100%	100%
Tổng cộng	36.740.522.616	14,09%	37.953.838.889	13,42%	1.213.316.273	3,30%	25,15%

Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp (LNG) qua 02 năm gần nhất

6.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua 02 năm gần nhất



Kết thúc năm 2021, Tổng doanh thu thu nhập ghi nhận đạt 282,84 tỷ đồng, tăng 8,47% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu đến từ doanh thu các dịch vụ khác như vận chuyển rác thải, xử lý chất thải nguy hại,... đã tăng từ 23,75 tỷ đồng lên 71,81 tỷ đồng; tăng 202,36% so với cùng kỳ năm trước. Lý giải cho sự tăng trưởng trên đến từ việc Công ty đã tiếp nhận thêm công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các phường, xã trên địa bàn thành phố Long Xuyên, các khu cách ly và tiến hành nạo vét mương nôi các tuyến đường hẻm. Tuy nhiên, doanh thu từ dịch vụ công ích của Công ty chỉ đạt 211,03 tỷ đồng, giảm 10,84% so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng giảm	3 tháng đầu năm 2022
1. Tổng giá trị tài sản	319.739.660.533	310.280.742.191	(2,96%)	293.915.678.049
2. Vốn chủ sở hữu	249.230.621.306	252.167.612.288	1,18%	252.209.666.954
3. Doanh thu thuần	260.751.057.414	282.836.296.473	8,47%	30.572.456.352
- DTT dịch vụ công ích	236.684.105.026	211.025.664.727	(10,84%)	22.427.567.896
- DTT dịch vụ khác	23.749.812.388	71.810.631.746	202,36%	8.075.129.365
- DTT hợp đồng xây dựng	317.140.000	-	-	69.759.091
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.162.560.165	22.599.655.538	1,97%	3.924.382.508
5. Lợi nhuận khác	194.869.701	(59.073.138)	(130,31%)	(322.473.567)
6. Lợi nhuận trước thuế	22.357.429.866	22.540.582.400	0,82%	3.601.908.941
7. Lợi nhuận sau thuế (PVBS)	17.996.741.232	18.874.149.816	4,88%	3.189.636.658
8. Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	12.471	12.676	1,64%	

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm 2020 - 2021

7.1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất.

Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2021 đạt 244,88 tỷ đồng, duy trì ở mức tỷ trọng 93,59%, cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 16,60 tỷ đồng. Chi phí tài chính và chi phí khác năm 2021 của AGE chiếm tỷ trọng không đáng kể.





19, giãn cách xã hội kéo dài khiến các hoạt động công ích như quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng... bị ngưng trệ trong thời gian dài phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, do toàn tỉnh tập trung công tác phòng chống dịch bệnh, không có nhiều hoạt động xây dựng công trình, cầu, đường... được diễn ra nên trong năm, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động xây dựng.

Kết quả hoạt động kinh doanh khả quan, giá vốn dịch vụ thấp đã dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ khác đạt 21,87 tỷ đồng, tăng 31,24% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ cũng ghi nhận 23,22 tỷ đồng, tăng 13,42% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đã tiếp nhận thêm công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại tại các phường, xã trên địa bàn tỉnh, các khu cách ly.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Thuận lợi

- Đội ngũ lãnh đạo có tâm với nghề. Nỗ lực làm việc và giải quyết các vấn đề khó khăn của Công ty. Trong thời kì Covid-19 ảnh hưởng. Đồng thời người lao động có tinh thần làm việc tốt, đoàn kết luôn sẵn sàng cùng công ty vượt qua khó khăn.
- Công ty được sự quan tâm, hỗ trợ tận tình từ lãnh đạo nhà nước từ cấp phường xã huyện huyện, Tỉnh.
- Lĩnh vực dịch vụ công ích là lĩnh vực hoạt động không cần nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào. Vì vậy, trong tình hình xuất nhập khẩu, giao thương đang bị đóng cửa như năm 2021 thì doanh nghiệp vẫn hoạt động tốt và ít chịu tác động.

Khó khăn

- Một số người dân có ý thức chưa cao trong việc bảo vệ môi trường như vứt rác không đúng nơi quy định, gom rác không đúng giờ khiến mất mỹ quan đô thị và việc thu gom rác của doanh nghiệp bị ảnh hưởng.
- Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng lưu thông trên đường làm rơi vãi cát đá gây mất vệ mỹ quan đô thị cũng như ảnh hưởng đến công tác vệ sinh của Công ty.
- Một số gia đình, hộ kinh doanh,... không nộp tiền phí dịch vụ thu gom rác đúng kì vì lý do thay đổi người đi thu phí, do địa phương chưa thông báo, do họ không phát sinh lượng rác và tự xử lý,...
- Các tuyến đường trên địa bàn phường xã, thị trấn đang xuống cấp, cầu yếu gây ảnh hưởng đến quá trình thu gom rác của Công ty.
- Hệ thống thoát nước bị các hộ dân che lấp, tràn bịt miệng cống cũng như bỏ rác xuống cống, hố ga,... ảnh hưởng đến công tác khai thông nạo vét bùn cống hố ga. Nắp cống, lưới chắn rác ở các hố ga bị hư gây nguy hiểm cho người đi đường và mất vệ mỹ quan đô thị.
- Cây xanh, hoa kiểng trên công viên và các tuyến đường bị người dân chặt phá làm mất mỹ quan đô thị. Mặt khác, cây xanh trên các tuyến đường chưa đồng bộ, có nhiều loại cây khác nhau; đồng thời có một số người dân tự ý trồng cây trên tuyến đường gây khó khăn cho việc quản lý cây xanh của Công ty.
- Hệ thống đèn chiếu sáng một số tuyến đường đã cũ và xuống cấp nên việc sửa chữa cũng gặp rất nhiều khó khăn.



8. Vị thế của Công ty trong ngành

▪ Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang, là Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh An Giang và bắt đầu hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp nhà nước vào ngày 01/01/2016.

Trải qua gần 10 năm hoạt động trong lĩnh vực công ích, Công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Qua mỗi giai đoạn Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành môi trường đô thị cũng như sự tín nhiệm của các khách hàng và các địa phương lân cận. So với các doanh nghiệp trong ngành môi trường và công trình đô thị trong khu vực thì Công ty có những lợi thế nhất định như:

- Về địa bàn hoạt động: Hoạt động trên địa bàn thành phố Long Xuyên và các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh An Giang.
- Về nhân sự: Tính đến thời điểm 31/12/2021, đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty là 915 người. Nhìn chung, nguồn nhân lực của Công ty tương đối ổn định, đảm bảo năng lực, trình độ chuyên môn nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được nâng cao.
- Về năng lực hoạt động của Công ty khá tốt, hầu hết các máy móc trang thiết bị được trang bị tương đối hiện đại, thường xuyên được nâng cấp giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, hoạt động của công ty.
- Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực thi nhiệm vụ của đơn vị.

▪ Triển vọng phát triển của ngành

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Do đó, theo định hướng phát triển của tỉnh An Giang, tỉnh sẽ tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông để tạo nền tảng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ. Cụ thể hơn, Tỉnh sẽ đầu tư vào các công trình trọng điểm, có tính đột phá và lan tỏa, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực nhất là hạ tầng giao thông, nông nghiệp, nông thôn, du lịch, ... bên cạnh đó, Tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối các điểm, khu du lịch trọng điểm, phục vụ nhu cầu của du khách và thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng mô hình sản phẩm du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với Chương trình OCOP và xây dựng nông thôn mới.

Ngoài ra, những năm gần đây, An Giang đã tăng cường hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng Sông Cửu Long; triển khai Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của mỗi địa phương để cùng phát triển. Tốc độ đô thị hóa ngày càng được đẩy nhanh cùng với việc phát triển kinh tế, đô thị gây sức ép lên môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Thêm vào đó, khi đời sống được cải thiện, mức sống ngày càng được nâng cao, nhu cầu của người dân về các dịch



vụ công cộng hiện đại, môi trường sạch đẹp là như cầu thiết yếu của mỗi người. Vì vậy, trong những năm tới, đi kèm với nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu vệ sinh môi trường thì công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng phát triển.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2021)

Bảng 7. Cơ cấu người lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	915	100,00%
1	Trên đại học	3	0,32%
2	Đại học, Cao đẳng	110	12,02%
3	Cao đẳng	14	1,53%
4	Công nhân lao động	788	86,12%
B	Theo giới tính	915	100,00%
1	Nam	805	87,97%
2	Nữ	110	12,02%

Nguồn: CTCP Môi trường Đô thị An Giang

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

▪ Chính sách đào tạo:

Đề đội ngũ nhân sự làm việc hiệu quả và chất lượng. Ban lãnh đạo Công ty liên tiếp tổ chức có hoạt động tập huấn và nâng cao kỹ năng cho nhân viên cũ, tập huấn các công việc mới theo quy trình của công ty cho nhân viên mới. Đồng thời đẩy mạnh các chương trình về bồi dưỡng nghiệp vụ cho toàn bộ người lao động. Qua đó giúp nhân viên ngày càng hoàn thiện bản thân và nâng cao trình độ chuyên môn.

▪ Môi trường công việc và phúc lợi:

Nguồn nhân lực được Công ty đặt vào vị trí trung tâm hàng đầu trong mọi hoạt động, đặc biệt là nhân sự của khối lao động trực tiếp. Do đó, Công ty luôn không ngừng cải thiện các chính sách lương thưởng, phúc lợi như: xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Mỗi cá nhân sẽ được nhận một khoản lương, thưởng khác nhau phụ thuộc vào khối lượng công việc và mức độ



hoàn thành công việc đó. Ngoài ra Công ty còn đưa ra các chính sách về nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép,... Người lao động được Công ty quan tâm trên cả phương diện tài chính và tinh thần. Thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt nhân viên và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao nhằm giải toả căng thẳng làm việc và đồng thời đều đặn tổ chức các chuyến du lịch, tham quan để tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của tập thể Công ty

▪ **Mức lương bình quân của 3 năm gần đây:**

- Năm 2019: 9.674.832 đồng/người/tháng
- Năm 2020: 11.214.000 đồng/người/tháng
- Năm 2021: 10.765.000 đồng/người/tháng

10. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của Công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định của pháp luật. Theo đó, mức cổ tức chi trả hàng năm được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, do HĐQT đề xuất và phải được ĐHCĐ thông qua. Mức chia cổ tức trong 02 năm qua như sau:

Bảng 8. Mức chi trả cổ tức trong 2 năm 2020 - 2021

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Tình trạng chi trả
Năm 2020	2%/VĐL	Tiền mặt	Đã chi trả
Năm 2021	2%/VĐL	Tiền mặt	Đã chi trả

11. Tình hình tài chính

11.1. Thông tin về năm tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang chọn niên độ tài chính năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11.2. Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:





Thời gian khấu hao TSCĐ tại Công ty như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	: 05 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	: 05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	: 03 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	: 05 năm
Tài sản cố định khác	: 06 – 13 năm
Phần mềm kế toán	: 05 năm

TSCĐ vô hình của Công ty là quyền sử dụng các khu đất không thời hạn và không tính khấu hao.

11.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

11.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp nổi bật trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 9. Số dư các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	9.772.544.567	7.715.771.971	2.472.488.974
2	Quỹ Đầu tư phát triển	3.562.762.842	5.450.177.824	5.769.141.490
Tổng cộng		13.335.307.409	13.165.949.795	8.241.630.464

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

11.5. Các khoản phải nộp theo Luật định

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp đúng theo quy định của Nhà nước.

Bảng 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước



Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Thuế GTGT	316.377.772	3.033.250.037	106.736.924
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.234.656.484	-	78.321.726
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	315.060.301	44.430
Tổng cộng		2.551.034.256	3.348.310.338	185.103.080

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022
của CTCP Môi trường Đô thị An Giang



11.6. Tình hình công nợ

Bảng 11. Tổng nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I	Nợ ngắn hạn	70.509.039.227	58.113.129.903	41.706.011.095
1	Phải trả người bán	13.894.019.580	218.182.230	1.694.796.727
1.1	CTCP Vận tải Thương mại Xây dựng Công nghiệp Đức Long	12.663.000.000	-	-
1.2	Tạp hóa Ngọc Giàu	-	158.480.000	-
1.3	Các nhà cung cấp khác	1.231.019.580	59.702.230	1.694.796.727
2	Người mua trả tiền trước	107.100.000	2.800.000	14.875.000
2.1	Chi nhánh CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Á tại An Giang	103.200.000	-	-
2.2	Các khách hàng khác	3.900.000	2.800.000	14.875.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.754.170.761	3.551.446.843	185.103.080
4	Phải trả người lao động	24.847.927.343	18.262.112.888	12.616.397.396
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	14.686.296.964	27.360.000	76.355.000
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	636.482.663
7	Phải trả ngắn hạn khác	4.446.980.012	4.329.863.716	3.920.000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.772.544.567	7.715.771.971	2.472.488.974
II	Nợ dài hạn	-	-	24.005.592.255
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	70.509.039.227	58.113.129.903	41.706.011.095

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022

của CTCP Môi trường Đô thị An Giang



Bảng 12. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	27.564.049.919	70.962.900.284	57.395.635.323
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.940.424.846	70.180.678.950	39.643.368.337
1.1	UBND Tp. Châu Đốc	3.328.027.627	6.993.123.647	-
1.2	UBND Tp. Long Xuyên	6.879.469.000	21.728.340.751	-
1.3	Các khách hàng khác	14.732.928.219	41.459.214.552	39.643.368.337
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.551.206.269	2.279.033.769	12.144.125.703
2.1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Tự động Hoàng Phong	1.937.672.000	-	-
2.2.	CTCP Tư vấn và Kỹ thuật Xây dựng – VN.CIC	480.000.000	240.000.000	240.000.000
2.3	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường	174.148.000	248.150.000	94.226.000
2.4	Công ty TNHH Môi trường Vintech	-	623.700.000	623.700.000
2.5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hòa Phát Long Xuyên	-	324.562.000	350.878.000
2.6	Các nhà cung cấp khác	-	842.621.769	10.835.321.703
3	Phải thu ngắn hạn khác	843.128.988	273.897.749	7.378.851.467
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.770.710.184)	(1.770.710.184)	(1.770.710.184)
II	Các khoản phải thu dài hạn	216.265.000	216.265.000	216.265.000
1	Phải thu dài hạn khác	216.265.000	216.265.000	216.265.000
	Tổng cộng	27.780.314.919	71.179.165.284	57.611.900.323

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022

của CTCP Môi trường Đô thị An Giang



Bảng 13. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Nguyên liệu, vật liệu	655.000.247	869.430.230	1.144.209.425
2	Công cụ, dụng cụ	13.482.000	40.638.401	45.096.975
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.583.581.287	222.240.000	32.843.319.366
Tổng cộng		16.252.063.534	1.132.308.631	34.032.625.764

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022
của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

11.7. Các khoản đầu tư tài chính

Bảng 14. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.453.160.485	200.000.000	200.000.000
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	20.453.160.485	-	-
1.1	Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh An Giang	5.000.000.000	-	-
1.2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh An Giang	15.000.000.000	-	-
1.3	Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh An Giang	453.160.485	-	-
1.4.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh An Giang	-	200.000.000	200.000.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	-	-
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	200.000.000	-	-



1.1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh An Giang	200.000.000	-	-
Tổng cộng		20.653.160.485	200.000.000	200.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6-7 tháng với lãi suất từ 5,8%/năm – 7%/năm.
- (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất 7%/năm.

11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,75	1,99
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,52	1,97
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,05	18,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,29	23,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,95	28,17
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,77	0,90
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,90	6,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,36	7,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,29	5,99
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,50	7,99

Nguồn: CTCP Môi trường Đô thị An Giang



12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

▪ Danh mục đất đai đang quản lý/sở hữu của Công ty

Bảng 16. Danh mục đất đai

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng (năm)	Hồ sơ pháp lý
1	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 12 tại 27 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.	95,9 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 16/05/2063	- HĐ thuê đất số 24/HĐ.TĐ ngày 11/7/2013 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 67/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: CO556729, ngày 26/11/2018.
2	Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 29 tại 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang.	536,8 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 25/9/2064	- HĐ thuê đất số 67/HĐ.TĐ ngày 21/10/2014 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 72/HĐ.TĐ ngày 03/12/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: O556728, ngày 03/12/2018.
3	Thửa đất số 4, tờ bản đồ số: 40 tại 130 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang.	2.115,6 m ²	Nhà xe chuyên dùng	Đến ngày 24/6/2063	- HĐ thuê đất số 30/HĐ.TĐ ngày 12/8/2013 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 73/HĐ.TĐ ngày 03/12/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: O556727, ngày 03/12/2018.
4	Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 73 tại Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An	1.841,0 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 16/12/2066	- HĐ thuê đất số 04/HĐ.TĐ ngày 20/01/2017 và Phụ kiện hợp đồng thuê



	Giang				đất số 64/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: 0556822, ngày 26/11/2018
5	Thừa đất số 82, tờ bản đồ số 9 tại Thị Trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, An Giang	1163,5 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 29/09/2066	- HĐ thuê đất số 81/HĐ.TĐ ngày 15/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 66/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018.- Giấy chứng nhận QSDĐ:CO556881, ngày 26/11/2018.
6	Thừa đất số 34, tờ bản đồ số 29 tại Xã Phú Hội, Huyện An Phú, An Giang	405,0 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 04/10/2066	- HĐ thuê đất số 80/HĐ.TĐ ngày 15/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 69/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ:H937520, ngày 26/11/2018.
7	Thừa đất số 146, tờ bản đồ số 31 tại Phường Long Hưng, Thị Xã Tân Châu, An Giang	160,0 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 29/09/2066	- HĐ thuê đất số 83/HĐ.TĐ ngày 15/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 65/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ:CO556871, ngày 26/11/2018.
8	Thừa đất số 543, tờ bản đồ số: 32 tại Thị Trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, An Giang	130,9 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 21/10/2066	- HĐ thuê đất số 82/HĐ.TĐ ngày 15/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 68/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018.





					- Giấy chứng nhận QSDĐ: O556571, ngày 26/11/2018.
9	Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5 tại Thị Trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, An Giang	517,9 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 09/11/2066	- HĐ thuê đất số 89/HĐ.TĐ ngày 24/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 70/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: O556619, ngày 26/11/2018.
10	Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 52 tại Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, An Giang	8.386,5 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 28/9/2068	- HĐ thuê đất số 57/HĐ.TĐ ngày 22/11/2018. - Giấy chứng nhận QSDĐ: R632974, ngày 12/11/2018.
11	Bản trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 tại Thị Trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, An Giang	44,5 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 09/11/2021	- HĐ thuê đất số 88/HĐ.TĐ ngày 24/11/2016 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 71/HĐ.TĐ ngày 26/11/2018. - Bản trích đo địa chính ngày 27/10/2016.
12	Thửa đất số 298, tờ bản đồ số: 14 tại Thị Trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, An Giang	95,0 m ²	Trụ sở làm việc	Lâu dài	Giấy chứng nhận QSDĐ: O556110, ngày 26/11/2018.
13	Thửa đất số 299, tờ bản đồ số: 14 tại Thị Trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, An Giang	95,0 m ²	Trụ sở làm việc	Lâu dài	Giấy chứng nhận QSDĐ: CO556111, ngày 26/11/2018.



14	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 54 tại Xã Thới Sơn, Huyện Tịnh Biên, An Giang	4.055,0 m ²	Trụ sở làm việc	Đến ngày 09/10/2050	Giấy chứng nhận QSDĐ: CQ228468, ngày 02/5/2019
15	Thửa đất số 539, tờ bản đồ số: 13 tại Thị trấn Mỹ Luông, Huyện Chợ Mới, An Giang	210,9 m ²	Trụ sở làm việc	Lâu dài	Giấy chứng nhận QSDĐ: CS284320, ngày 20/8/2019

Nguồn: CTCP Môi trường Đô thị An Giang

▪ **Tình hình tài sản cố định của công ty**

Bảng 17. Tài sản cố định

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	31/12/2021		Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)	31/03/2022		Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)
	Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1. Tài sản hữu hình	193.174.211.760	101.323.744.703	52,45%	194.933.236.105	100.037.579.151	51,32%
1.1. Nhà cửa, vật kiến trúc	48.650.499.982	29.453.027.621	60,54%	47.739.743.182	28.611.071.492	59,93%
1.2. Máy móc, thiết bị	14.053.249.246	9.745.529.133	69,35%	14.053.249.246	9.348.552.876	66,52%
1.3. Phương tiện vận tải	129.924.468.714	61.964.845.102	47,69%	132.594.249.859	61.940.444.486	46,71%
1.4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	48.181.818	22.633.486	46,98%	48.181.818	20.224.396	41,98%



1.5. TSCĐ hữu hình khác	497.812.000	137.709.361	27,66%	426.532.000	94.119.901	22,07%
1.6. Cây lâu năm				71.280.000	23.166.000	32,50%
2. Tài sản vô hình	18.895.451.234	18.576.950.840	98,31%	18.895.451.234	18.556.958.339	98,21%
2.1. Quyền sử dụng đất	18.382.601.234	18.382.601.234	100,00%	18.382.601.234	18.382.601.234	100,00%
2.2. Phần mềm máy tính	512.850.000	194.349.606	37,90%	512.850.000	174.357.105	34,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022 của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Tài sản dở dang dài hạn

Bảng 18. Tài sản dở dang

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66.215.810.706	72.571.610.050	74.167.958.072

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 19. Chi phí xây dựng dở dang

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	30/12/2021	31/03/2022
1	Chi mua sắm	1.027.409.091	136.500.000	494.193.453
1.1	Phần mềm nhân sự	136.500.000	136.500.000	136.500.000
1.2	Xe ô tô con 7 chỗ MITSUBISHI Pajero Sport màu trắng 67A - 163.64	890.909.091	-	



1.3	Dự án mua xe chuyên dùng và phương tiện phục vụ công tác chuyên môn (Xe ép chõ rác)			165.831.817
1.4	Dự án mua xe chuyên dùng và phương tiện phục vụ công tác chuyên môn (Xe cơ giới chuyên dùng)			191.861.636
2	Chi xây dựng cơ bản dở dang	65.041.302.163	72.417.565.438	73.673.764.620
2.1	Dự án khu Liên Hợp Châu Thành - Cụm Long Xuyên	354.379.639	-	354.379.639
2.2	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Thoại Sơn	-	-	
2.3	Dự án Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Vĩnh Gia - Huyện Tri Tôn	631.749.408	-	646.976.681
2.4	Bãi chôn lấp rác thải - xã Bình Hòa	140.275.091	-	140.275.091
2.5	Công trình nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Chợ Mới	17.550.481.453	18.909.402.364	18.982.193.272
2.6	Công trình xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - KLH xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	774.683.000	9.704.933.910	11.146.842.092
2.7	Công trình xử lý triệt để môi trường bãi rác - Huyện Bình Đức	42.409.723.572	42.660.709.572	42.383.800.572
2.8	Công trình cải tạo, chôn lấp hợp vệ sinh bãi rác kênh 10, ô số 1 phần phủ đĩnh (kênh 10, TP. Châu Đốc)	3.180.010.000	-	-
2.9	Dự án hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1)	-	-	-





2.10	Các công trình khác	-	1.142.519.592	19.297.273
3	Chi sửa chữa	147.099.452	17.544.612	
3.1	Xe ủi (Công ty)	-	-	
3.2	Xe đào 07EX (Công ty)	-	-	
3.3	Xe 67C - 114.68 (XN Thoại Sơn)	104.701.271	-	
3.4	Xe 67C - 113.89	42.398.181	-	
	Tổng cộng	66.215.810.706	72.571.610.050	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022
của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 20. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022		
		Thực hiện 2021	Kế hoạch	%KH 2022/ TH 2021
Tổng Doanh thu thuần	Triệu đồng	284.206	279.650	98,40%
Vốn Điều lệ	Triệu đồng	198.930	198.930	100,00%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.541	23.157	102,74%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.874	19.657	104,15%
LNST / Doanh thu thuần	%	6,67%	7,03%	105,40%
LNST/ Vốn Điều lệ	%	9,49%	9,88%	104,11%
Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	25.276	19.000	75,17%
Tỷ lệ cổ tức	%	2%	2%	100,00%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/NQĐHĐCĐ-AGE ngày 20/05/2022 và các tài liệu đính kèm của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

**❖ Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đã xây dựng:****Về bộ máy tổ chức**

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp bố trí lao động, cán bộ quản lý phù hợp hơn.
- Sắp xếp lại các bộ phận gián tiếp khoa học và hợp lý hơn; tập huấn kiến thức quản lý hiện đại, bồi dưỡng nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Về sản xuất

- Công ty tập trung đầu tư, phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ công ích trên các lĩnh vực quét, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; Quản lý khai thông hệ thống nước thải; Quản lý và chăm sóc công viên, cây xanh đường phố; Quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng và các hoạt động dịch vụ liên quan ngành nghề chính nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, đảm bảo môi trường trên địa bàn tỉnh luôn được “Sáng - xanh - sạch - đẹp”.
- Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty được UBND tỉnh giao nhằm tạo việc làm, thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động của Công ty.
- Mở rộng các lĩnh vực, ngành nghề trong giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp nhu cầu thị trường,...

Về nghiên cứu và phát triển

- Chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án thực hiện và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tuyển dụng và đào tạo nhân viên đảm bảo công tác nghiên cứu để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng trong thời buổi cạnh tranh gay gắt không chỉ giữa các doanh nghiệp môi trường trong tỉnh mà còn có cả sự cạnh tranh của những công ty ngoài tỉnh, nhất là trong giai đoạn Nhà nước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường như hiện nay.
- Tổ chức bộ phận chuyên cung cấp thông tin cho Công ty nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Về quản lý và điều hành

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Tổ, Đội, Phòng, Xí nghiệp thực hiện tốt các công việc được giao hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Chủ động phối hợp các phòng ban tham mưu của các sở, ban, ngành và các đơn vị tư vấn thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục, hồ sơ nhằm hoàn thành tốt công tác lập, trình duyệt các dự án đầu tư, thi công các công trình trọng điểm của Công ty đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra.
- Theo dõi đôn đốc thực hiện tốt kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa xe, máy móc thiết bị, quản lý sử dụng vật tư, nhiên liệu khoa học, hợp lý, tiết kiệm hơn, thực hiện đúng theo những quy định, thủ tục về công tác quản lý, sửa chữa xe máy, sử dụng vật tư, nhiên liệu,... đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất.

Kết quả kinh doanh quý 1 năm 2022:

Kết thúc quý 1 năm 2022, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang đạt 30,57 tỷ đồng, đạt



10,93% so với kế hoạch năm 2022. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 3,19 tỷ đồng, đạt 16,23% kế hoạch năm 2022. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp, chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKGD (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

▪ **Mục tiêu hoạt động chủ yếu:**

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty là một trong những doanh nghiệp mạnh của lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, lấy hiệu quả kinh tế là chuẩn mực cho sự phát triển ổn định và bền vững. Duy trì và phát triển sản phẩm dịch vụ công ích đô thị gồm: vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, chiếu sáng, đồng thời mở rộng cung ứng đầy đủ dịch vụ lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh như vệ sinh, thu gom xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại, xử lý nước thải, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị,... nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

▪ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty tập trung nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của tất cả các Xí nghiệp, Phòng, Tổ, Đội đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, tăng sản lượng thực hiện hoạt động dịch vụ công ích của các Xí nghiệp môi trường đô thị, hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch, chất lượng công việc đảm bảo ngày càng tốt hơn tạo lòng tin đối với lãnh đạo UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở đó UBND tỉnh tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh với Công ty nhằm duy trì được doanh thu hàng năm giúp doanh nghiệp hoạt động ngày càng ổn định.
- Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty như thu gom, vận chuyển rác cho các Công ty, Xí nghiệp, chăm sóc mé tía cây xanh, xử lý cống nghẹt, rút hầm cầu, vận chuyển đồ, cho thuê nhà vệ sinh, bán thùng rác,...

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có





II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

- **Cơ cấu Hội đồng quản trị**

Bảng 21. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
3	Đặng Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
4	Trần Hữu Bình	Thành viên HĐQT
5	Đỗ Văn Lạc	Thành viên HĐQT
6	Đinh Thị Ngọc Nga	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty

- **Các tiểu ban của HĐQT:** Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
- **Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**

ÔNG: NGUYỄN NGỌC SƠN – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh : 02/11/1965
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Đại học Cầu Đường
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- **Quá trình công tác:**
 - + Từ 1985 - 1989 : Công nhân Xí nghiệp Cơ khí An Giang
 - + Từ 1990 - 1993 : Hạt trưởng Hạt giao thông Long Xuyên



- + Từ 04/1993 - 09/1995 : Nhân viên tại Đoàn Quản lý thủy bộ - Sở Giao thông vận tải An Giang
- + Từ 10/1995 - 12/1998 : TT. Tổ kế hoạch Ban Điều hành Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
- + Từ 1999 - 03/2002 : Phó trưởng phòng Phòng Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
- + Từ 04/2002 – 04/2003 : Phó trưởng phòng Phòng Phát triển đô thị Long Xuyên
- + Từ 05/2003 – 09/2004 : Phó Giám đốc Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- + Từ 10/2004 – 12/2011 : Trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- + Từ 01/2012 – 02/2017 : Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- + Từ 03/2017 – 09/2018 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- + Từ 10/2018 – Nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.400 cổ phần – chiếm 0,01% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang : 9.930.600 cổ phần – chiếm 49,92% VDL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 19.471.800 cổ phần – chiếm 97,88% VDL (Người đại diện vốn của UBND tỉnh An Giang)

ÔNG TRẦN MINH TÂM – TV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh : 03/06/1973
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không



▪ *Quá trình công tác:*

- + Từ 10/1992 - 08/1994 : Cán bộ Văn phòng - PBT Đoàn TNCSHCM tại UBND xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
 - + Từ 08/1994 - 09/1996 : Cán sự Phòng Tổ chức chính quyền huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
 - + Từ 09/1996 - 11/2001 : Cán sự Ban Tổ chức chính quyền tỉnh An Giang
 - + Từ 11/2001 - 09/2004 : Cán sự - Phụ trách P.TCHC Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 10/2004 - 12/2008 : Chuyên viên - Phụ trách P.TCHC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 07/2009 - 11/2011 : Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 11/2011 - 02/2017 : Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
 - + Từ 02/2017 - 09/2018 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
 - + Từ 10/2018 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.300 cổ phần – chiếm 0,012% VDL
 - Số cổ phần đại diện Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang : 5.646.800 cổ phần – chiếm 28,40% VDL
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 19.471.800 cổ phần – chiếm 97,88% VDL (Người đại diện vốn của UBND tỉnh An Giang)

ÔNG: ĐẶNG ANH DŨNG – TV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh : 02/12/1964
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Lâm nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không



▪ *Quá trình công tác:*

- + Từ 11/1987 - 12/1999 : Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Ban Công trình công cộng Thị xã Long Xuyên
 - + Từ 01/2000 - 12/2000 : Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 01/2001 - 10/2004 : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 10/2004 - 12/2004 : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 01/2005 - 12/2011 : Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 01/2012 - 02/2017 : Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 03/2017 - 09/2018 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 10/2018 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 3.000 cổ phần – chiếm 0,02% VDL
 - Số cổ phần đại diện Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang : 1.947.200 cổ phần – chiếm 9,78% VDL
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 19.471.800 cổ phần – chiếm 97,88% VDL (Người đại diện vốn của UBND tỉnh An Giang)

ÔNG: ĐỖ VĂN LẠC – TV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh : 09/04/1976
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghiệp Nông thôn, Cử nhân Lý luận chính trị
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không





- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 02/1998 - 01/2004 : Công nhân sửa điện tại Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc
 - + Từ 01/2004 - 03/2006 : Đội phó giám sát kỹ thuật tại Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc
 - + Từ 04/2006 - 12/2015 : Phó ban kiêm Phó bí thư chi bộ tại Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc
 - + Từ 12/2015 - 06/2018 : Phó Giám đốc, Phó bí thư Chi bộ tại Xí nghiệp môi trường đô thị Châu Đốc
 - + Từ 06/2018 - 10/2018 : Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ tại Xí nghiệp môi trường đô thị Châu Đốc
 - + Từ 10/2018 - Nay : Thành viên HĐQT CTCP Môi trường đô thị An Giang, Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.600 cổ phần – chiếm 0,01% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần - chiếm 0% VDL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL

ÔNG: TRẦN HỮU BÌNH – TV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh : 17/03/1980
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ môi trường
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 2005 : Chuyên viên Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 2006 : Chuyên viên Ủy viên Ban chấp hành Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên



- + Từ 2007 : Chuyên viên Phó Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- + Từ 2008 - 2011 : Phó Đội trưởng Đội vệ sinh; Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- + Từ 2012 : Phó trưởng Phòng Kế hoạch kiêm Phó Chủ tịch Công đoàn Cty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- + Từ 2013 - 2015 : Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- + Từ 2016 - 09/2018 : Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn; Chi ủy viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- + Từ 09/2018 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Môi trường đô thị An Giang; Trưởng phòng kế hoạch - vật tư;
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.200 cổ phần – chiếm 0,01% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL

BÀ: ĐINH THỊ NGỌC ANH – TV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh : 15/08/1976
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 11/2000 - 08/2004 : Chuyên viên Công ty Điện nước An Giang
 - + Từ 09/2004 - 08/2006 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang
 - + Từ 08/2006 - 06/2008 : Kế toán Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang



- + Từ 10/2008 - 06/2009 : Kế toán tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
 - + Từ 06/2009 - 07/2011 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
 - + Từ 07/2011 - 02/2012 : Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
 - + Từ 02/2012 - 12/2013 : Kiểm soát viên kiêm trưởng bộ phận Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN An Giang
 - + Từ 12/2013 - 06/2017 : Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
 - + Từ 06/2017 - 04/2018 : Trưởng bộ phận Hỗ trợ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
 - + Từ 04/2018 - 06/2019 : Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang
 - + Từ 06/2019 - nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Môi trường Đô thị An Giang
 - + Từ 07/2021 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Môi trường Đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VDL
 - Số cổ phần đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang : 1.947.200 cổ phần – chiếm 9,78 % VDL
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 19.471.800 cổ phần – chiếm 97,88% VDL (Người đại diện vốn của UBND tỉnh An Giang)

2. Ban kiểm soát

▪ Cơ cấu Ban kiểm soát

Bảng 22. Danh sách ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Võ Thị Ngọc Bích	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên
3	Trần Đình Thu	Thành viên

▪ Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát


BÀ: VÕ THỊ NGỌC BÍCH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh : 08/12/1983
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 05/2007 - 11/2011 : NV P.TC-HC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
 - + Từ 12/2011 - 11/2016 : Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 12/2017 - 09/2018 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 10/2018 – 06/2021 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 07/2021 - Nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần – chiếm 0,005 % VĐL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VĐL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần – chiếm 0% VĐL

BÀ: NGUYỄN THỊ THU THẢO – KIỂM SOÁT VIÊN

- Ngày sinh : 03/03/1992
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán





- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Kiểm soát viên
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 01/2016 – 09/2018 : Nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
 - + Từ 10/2018 – 05/2020 : Nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang
 - + Từ 06/2020 - Nay : Kiểm soát viên; Nhân viên Phòng Kế hoạch - Vật tư Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.100 cổ phần – chiếm 0,005% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần - chiếm 0% VDL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL

ÔNG: TRẦN ĐÌNH THU – KIỂM SOÁT VIÊN

- Ngày sinh : 05/12/1963
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Kiểm soát viên
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó Trưởng phòng Sở tài chính An Giang
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 1986 - 1990 : Tổ trưởng NS Phòng Tài chính huyện Tri Tôn, An Giang
 - + Từ 1990 - 1995 : Đội trưởng Chi cục thuế huyện Tri Tôn, An Giang
 - + Từ 1995 -1999 : Chuyên viên Cục quản lý vốn & Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp An Giang



- + Từ 1999 - 2011 : Chuyên viên Sở tài chính An Giang
- + Từ 2011 - nay : Phó Trưởng phòng Sở tài chính An Giang
- + Từ 09/2018 - nay : Kiểm soát viên CTCP Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần - chiếm 0% VDL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 23. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc
2	Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3	Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Hữu Hạnh	Kế toán trưởng

▪ Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch Ông Trần Minh Tâm, Ông Đặng Anh Dũng và Bà Đinh Thị Ngọc Nga vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.

BÀ: NGUYỄN HỮU HẠNH – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày sinh : 03/4/2983
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Đại học Kế toán doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD : Kế toán trưởng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không



▪ **Quá trình công tác:**

- + 6/2011 : Nhân viên Kế toán – Ban Công trình Đô thị Long Xuyên
- + 01/2012 : Nhân viên Kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- + 6/2016 - 9/2018 : Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- + 10/2018 - 4/2022 : Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính – Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- + 5/2022 - nay : Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 900 cổ phần – chiếm 0,004% VĐL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VĐL
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : 200 cổ phần – chiếm 0,001% VĐL (Mai Xuân Cầu – Em rể)

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang luôn cố gắng tuân thủ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

Đối với hoạt động công bố thông tin, Công ty hiện đang xây dựng Quy chế công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

Sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch UPCOM, Công ty sẽ có kế hoạch tăng cường công tác quản trị Công ty trong thời gian tới như sau:

- Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì và phát huy quy chế phân cấp theo hướng tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm của Ban điều hành và khoán quỹ lương theo doanh thu để thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả công tác. Công ty ban hành và thường xuyên hiệu chỉnh quy chế, bình xét để trả lương theo hiệu quả công tác.
- Hội đồng quản trị tiếp tục chú trọng chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, phối hợp xử lý các vấn đề còn tồn đọng;
- Thực hiện rà soát, điều chỉnh lại mô hình tổ chức, cơ chế quản lý các đơn vị trực thuộc, tổ chức nhân sự trong toàn Công ty;



- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động. Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Ban điều hành Công ty định kỳ đều có kế hoạch rõ ràng cho các cuộc họp, thường xuyên quan tâm giám sát và giải quyết kịp thời những vấn đề tồn đọng trong công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Công ty quản lý tài chính của Công ty.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 24. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	Tên người nội bộ và người có liên quan	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số CMND; ngày cấp; nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	- Số CMND: 350710444 - Ngày cấp: 10/10/2019 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P.Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	2.400	0,01%
1.1	Huỳnh Thị Hồng	Mẹ vợ	- Số CMND: 351784601	04 Lê Minh Ngươn, P. Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
1.2	Võ Thị Thanh Hương	Vợ	- Số CMND: 350742058 - Ngày cấp: 13/03/2019 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.3	Nguyễn Ngọc Thạch	Con	- Số CMND: 351998678 - Ngày cấp: 04/07/2006 - Nơi cấp: Công	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%



			an tỉnh An Giang			
1.4	Nguyễn Ngọc Tùng	Con	- Số CMND: 352592900 - Ngày cấp: 11/01/2017 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.5	Huỳnh Phi Vũ	Con dâu	- Số CMND: 352116247 - Ngày cấp: 19/03/2008 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.6	Nguyễn Ngọc Ân	Anh ruột	- Số CMND: 350009029 - Ngày cấp: 27/06/2020 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	93 Lê Ngã, P. Bình Khánh. TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.7	Nguyễn Ngọc Hải	Anh ruột	- Số CMND: 350791555 - Ngày cấp: 11/07/2006 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.8	Nguyễn Ngọc Dung	Chị ruột	- Số CMND: 350011210 - Ngày cấp: 05/05/2020 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/1 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%

15/ N. B. O. Q. 1. 11



1.9	Nguyễn Ngọc Hà	Chị ruột	- Số CMND: 350710443 - Ngày cấp: 21/07/2016 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
1.10	Nguyễn Ngọc Hòa	Em gái ruột	- Số CMND: 350710445 - Ngày cấp: 15/08/2019 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2C Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.11	Nguyễn Kim Quan	Chị dâu	- Số CMND: 351668680 - Ngày cấp: 25/10/2012 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	93 Lê Ngã, P.Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.12	Lưu Kim Phượng	Chị dâu	- Số CMND: 350013483 - Ngày cấp: 28/07/2006 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/2 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.13	Ông Ngọc Chi	Anh rể	- Số CMND: 351139312 - Ngày cấp: 17/11/2016 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	18 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.14	Nguyễn Hữu Chí	Anh rể	- Số CMND: 350125097	Mỹ Hòa Hưng, TP	0	0%



			- Ngày cấp: 23/10/2008 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Long Xuyên, tỉnh An Giang		
1.15	Nguyễn Thanh Hải	Anh rể	- Số CMND: 350125097 - Ngày cấp: 23/10/2008 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	2/1 Ngô Quyền, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
1.16	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Người đại diện vốn Nhà nước tại CTCP Môi trường Đô thị An Giang	2088/QĐ – UBND	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	19.471.800	97,88%
2	Trần Minh Tâm	TVHĐT kiêm Tổng Giám đốc	- Số CMND: 351002919 - Ngày cấp: 11/11/0211 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Tây Khánh 8, Mỹ Hòa, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	2.300	0.012%
2.1	Cao Thị Bé	Mẹ ruột	Số CMND: 350045570	Trần Nhật Duật, Mỹ Long, TP. Long xuyên, An Giang	0	0%
2.2	Phan Thanh Đồi	Cha Vợ	Số CMND: 350442144	Thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn, An Giang	0	0%
2.3	Huỳnh Thị Hoa	Mẹ Vợ	Số CMND: 350442146	Thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn, An Giang	0	0%



2.4	Phan Thị Ngọc Dung	Vợ	Số CMND: 351193423	Tây Khánh 8, Mỹ Hòa, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
2.5	Trần Phan Nhật Minh	Con	Số CMND: 352638888	TP.HCM	0	0%
2.6	Trần Phan Ngọc Phụng	Con		Tây Khánh 8, Mỹ Hòa, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
2.8	Trần Minh Tuấn	Anh ruột	Số CMND: 350932730	Phú Hòa, Thoại Sơn, An giang	0	0%
2.9	Nguyễn Thị Lệ Thu	Chị dâu	Số CMND: 350864892	Phú Hòa, Thoại Sơn, An giang	0	0%
2.10	Trần Minh Thắng	Em ruột	Số CMND: 351067227	Mỹ Bình, Long Xuyên, An giang	0	0%
2.11	Trương Thị Kim Thoa	Em dâu	Số CMND: 351155958	Mỹ Bình, Long Xuyên, An giang	0	0%
2.12	Trần Minh Trí	Em ruột	Số CMND: 351153160	Mỹ long, Long Xuyên, An Giang	0	0%
2.13	Văng Thị Vân	Em dâu	Số CMND: 351476485	Mỹ long, Long Xuyên, An Giang	0	0%
2.14	Trần Thị Thúy Hằng	Em ruột	Số CMND: 351276951	Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang	0	0%



2.15	Võ Thành Trung	Em rể	Số CMND: 351229960	Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang	0	0%
2.16	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Người đại diện vốn Nhà nước tại CTCP Môi trường Đô thị An Giang	2088/QĐ – UBND	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	19.471.800	97,88%
3	Đặng Anh Dũng	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	- Số CMND: 350710741 - Ngày cấp: 22/07/2008 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	34 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình , TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	3000	0,02%
3.1	Chế Thị Mộng Kiều	Vợ	- Số CMND: 351837509 - Ngày cấp: 30/11/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	34 Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
3.2	Đặng Trung Cường	Con	- Số CMND: 351835325 - Ngày cấp: 12/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	27 Bình Khánh 5, Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
3.3	Đặng Trung Càng	Con	- Số CMND: 352146137 - Ngày cấp: 09/09/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An	34 Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%



			Giang			
3.4	Trần Phương Thảo	Con dâu	- Số CMND: 352160193 - Ngày cấp: 02/12/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	27 Bình Khánh 5, Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
3.5	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Con dâu	- Số CMND: 351997764 - Ngày cấp: 08/03/2019 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	34 Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
3.6	Đặng Trung Thành	Anh ruột	- Số CMND: 350700129 - Ngày cấp: 01/07/2001 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	P. Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
3.7	Đặng Trung Tam	Anh ruột		Định cư tại Mỹ	0	0%
3.8	Đặng Trung Hải	Anh ruột		Định cư tại Úc	0	0%
3.9	Đặng Trung Lam Giang	Anh ruột	- Số CMND: 350708291 - Ngày cấp: 15/09/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Cao Thắng, P. Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
3.10	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Người đại diện vốn Nhà nước tại CTCP	2088/QĐ - UBND	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long	19.471.800	97,88%



		Môi trường Đô thị An Giang		Xuyên, An Giang		
4	Trần Hữu Bình	Thành viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế hoạch vật tư	- Số CMND: 351290215 - Ngày cấp: 23/4/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	390/9A, Tỉnh lộ 943, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang.	1.200	0,01%
4.1	Trần Văn Bay	Cha ruột	- Số CMND: 350106469 - Ngày cấp: 21/02/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	390/9A, Tỉnh lộ 943, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang.	0	0%
4.2	Nguyễn Thị Thơm	Mẹ ruột	- Số CMND: 350077663 - Ngày cấp: 01/6/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	390/9A, Tỉnh lộ 943, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang.	0	0%
4.3	Huỳnh Văn Nghiêm	Cha vợ	- Số CMND: 350632580 - Ngày cấp: 19/3/2007 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Áp Vĩnh Thọ, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.	0	0%
5	Đỗ Văn Lạc	Thành viên HĐQT	- Số CMND: 352676457 - Ngày cấp: 8/6/2018 - Nơi cấp: Công an tỉnh	Số 192 Lê Hồng Phong, khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi Sa, thành	1.200	0,01%



			An Giang	phố Châu Đốc, tỉnh An Giang		
5.1	Đỗ Xuân Tân	Cha ruột	- Số CMND: 351189886 - Ngày cấp: 2/12/2017 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 192 Lê Hồng Phong, khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi Sa, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0	0%
5.2	Trịnh Thị Hoa	Mẹ ruột	Sinh năm 1949 Mất năm 2020		0	0%
5.3	Lê Thanh Liêm	Cha vợ	- Số CMND: 350008209 - Ngày cấp: 3/7/2017 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 91, đường Mương Thủy, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0	0%
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Mẹ vợ	- Số CMND: 350008149 - Ngày cấp: 14/8/2015 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 91, đường Mương Thủy, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0	0%
5.5	Lê Thanh Dung	Vợ	- Số CMND: 351375605 - Ngày cấp:	Số 192 Lê Hồng Phong, khóm Vĩnh	0	0%



			10/2/2012 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Đông 2, phường Núi Sa, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang		
5.6	Đỗ Minh Anh	Con ruột	Sinh năm 2005 đang đi học	Số 192 Lê Hồng Phong, khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi Sa, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0	0%
5.7	Đỗ Thị Liên	Chị ruột	Sinh năm 1975 Mất năm 2020		0	0%
5.8	Đỗ Thị Xuân Nhi	Em ruột	- Số CMND: 351408308 - Ngày cấp: 5/1/2017 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 192 Lê Hồng Phong, khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi Sa, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0	0%
6	Đinh Thị Ngọc Nga	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty	- Số CMND: 351146722 - Ngày cấp: 15/08/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Áp Mỹ Khánh, xã Mỹ Hòa Hưng, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	1.200	0,01%



6.1	Dương Thị Khen	Mẹ một	- Số CMND: 350476133 - Ngày cấp: 24/04/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 5/3 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.2	Nguyễn Thị Minh	Mẹ chồng	- Số CMND: 350103864 - Ngày cấp: 03/07/2008 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Áp Mỹ Khánh, xã Mỹ Hòa Hưng, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.3	Nguyễn Bảo Trung	Chồng	- Số CMND: 351047222 - Ngày cấp: 12/10/2007 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 30 Nguyễn Thái Học, p. Mỹ Bình , Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.4	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	Con		Số 30 Nguyễn Thái Học, p. Mỹ Bình , Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.5	Nguyễn Đình Bảo Châu	Con		Số 30 Nguyễn Thái Học, p. Mỹ Bình , Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.6	Đình Công Minh	Anh ruột	- Số CMND: 350007367 - Ngày cấp: 03/04/2019	Số 11, đường 6B Bắc Hà Hoàng HỒ,	0	0%



			Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	p. Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang		
6.7	Đình Công Thành	Anh ruột	- Số CMND: 350685639 - Ngày cấp: 04/06/2008 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	0	0%
6.8	Đình Công Lập	Anh ruột	- Số CMND: 351333856 - Ngày cấp: 07/03/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	0	0%
6.9	Đình Công Nghiệp	Em ruột	- Số CMND: 351272438 - Ngày cấp: 03/02/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 5/3 Nguyễn Thái Học, p. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.10	Đình Công Thắng	Em ruột	- Số CMND: 351575343 - Ngày cấp: 07/06/2016 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Ấp Khánh Châu, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	0	0%
6.11	Đình Thị Ngọc Sương	Chị ruột	- Số CMND: 350717946 - Ngày cấp: 25/12/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 3 đường Phan Bá Vành, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%



6.12	Đinh Thị Ngọc Hà	Chị ruột	- Số CMND: 350887901 - Ngày cấp: 21/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	0	0%
6.13	Huỳnh Thị Hương	Chị dâu	- Số CMND: 350331310 - Ngày cấp: 03/05/2019 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Ấp Khánh Lợi, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	0	0%
6.14	Phan Minh Thùy	Chị dâu	- Số CMND: 350729590 - Ngày cấp: 19/10/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 11, đường 6B Bắc Hà Hoàng Hồ, P. Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.15	Lê Thị Phượng	Chị dâu	- Số CMND: 350603161 - Ngày cấp: 09/07/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc. huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	0	0%
6.16	Trần Thị Mãnh	Chị dâu	- Số CMND: 351371224 - Ngày cấp: 24/06/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	0	0%
6.17	Võ Thị Diễm Thu	Em dâu	- Số CMND: 364138693 - Ngày cấp:	Số 5/3 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình ,	0	0%





			24/03/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Hậu Giang	Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang		
6.18	Phạm Thị Cẩm Tú	Em dâu	- Số CMND: 351945801 - Ngày cấp: 26/10/2005 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Áp Khánh Châu, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	0	0%
6.19	Huỳnh Thế Năng	Anh rể	- Số CMND: 350944451 - Ngày cấp: 25/12/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Số 3 đường Phan Bá Vành, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
6.20	Nguyễn Văn Công	Anh rể	- Số CMND: 350747089 - Ngày cấp: 21/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	0	0%
6.21	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Người đại diện vốn Nhà nước tại CTCP Môi trường Đô thị An Giang	2088/QĐ – UBND	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	19.471.800	97,88%
7	Võ Thị Ngọc Bích	Trưởng Ban Kiểm soát	- Số CMND: 351483233 - Ngày cấp: 12/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An	172/8A Đông Thịnh 8, p. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	1.000	0,005%



			Giang			
7.1	Võ Văn Trương	Cha ruột	- Số CMND: 350059370 - Ngày cấp: 16/4/2007 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	110 Trần Hung Đạo, p. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.2	Thái Thị Mai	Mẹ ruột	- Số CMND: 350742449 - Ngày cấp: 09/11/2009 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	110 Trần Hung Đạo, p. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.3	Lê Văn Việt	Cha chồng	- Số CMND: 352029728 - Ngày cấp: 24/01/2007 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	172/8A Đông Thịnh 8, p. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.4	Võ Thị Trang	Mẹ chồng	- Số CMND: 350004922 - Ngày cấp: 24/01/2007 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	172/8A Đông Thịnh 8, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.5	Lê Võ Thái Bình	Chồng	- Số CMND: 351412802 - Ngày cấp: 20/02/2020 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	172/8A Đông Thịnh 8, p. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.6	Lê Võ Thái An	Con		47 Cô Bắc,	0	0%



				p. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang		
7.7	Võ Thị Anh Đào	Chị ruột	- Số CMND: 351153328 - Ngày cấp: 25/01/2019 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang	149/3 Hà Hoàng Hồ, p. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.8	Trần Chí Thiện	Anh rể	- Số CMND: 350860150 - Ngày cấp: 27/09/2008 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	149/3 Hà Hoàng Hồ, p. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.9	Võ Thị Kim Anh	Em ruột	- Số CMND: 351762713 - Ngày cấp: 25/01/2019 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	110 Trần Hung Đạo, p. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
7.10	Nguyễn Công Trí	Em rể	- Số CMND: 025361798	60/1 đường số 14A, p. Bình Hưng Hòa A, Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	0	0%
8	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát	- Số CMND: 351980158 - Ngày cấp: 03/03/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	80F Phó Đức Chính, p. Bình Khánh, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang	1.100	0,005%



8.1	Nguyễn Văn Công	Cha ruột	- Số CMND: 350747089 - Ngày cấp: 21/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	434/8 Ấp Mỹ Thiện, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	0	0%
8.2	Đinh Thị Ngọc Hà	Mẹ ruột	- Số CMND: 3500887901 - Ngày cấp: 21/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	434/8 Ấp Mỹ Thiện, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	0	0%
8.3	Trần Quang Sang	Cha chồng	- Số CMND: 350080092 - Ngày cấp: 23/5/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	01M2 Đặng Dung, Khóm 3, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
8.4	Tạ Thị Xiêng	Mẹ chồng	- Số CMND: 350080015 - Ngày cấp: 03/03/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	01M2 Đặng Dung, Khóm 3, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	0	0%
8.5	Trần Quang Trung	Chồng	- Số CMND: 351559153 - Ngày cấp: 09/01/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	80F Phó Đức Chính, p. Bình Khánh, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang	0	0%
8.6	Trần Quang Tuấn	Con		80F Phó Đức Chính,	0	0%





				p. Bình Khánh, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang		
8.7	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Em ruột	- Số CCCD: 089195000349 - Ngày cấp: 04/11/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về Trật Tự Xã Hội	40/4A, Ấp 5, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	0	0%
8.8	Nguyễn Tiến Đạt	Em rể	- Số CCCD: 079094016136 - Ngày cấp: 04/11/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về Trật Tự Xã Hội	40/4A, Ấp 5, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	0	0%
9	Trần Đình Thư	Thành viên Ban Kiểm soát	- Số CMND: 350881534 - Ngày cấp: 26/3/2007 - Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	174/3B Nguyễn Thái Học, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	0	0%
9.1	Trần Đình Đạm	Cha ruột			0	0%
9.2	Lê Thị Quỳ	Mẹ ruột	- Số CMND: 125661901 - Ngày cấp: 03/01/2012 - Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	0	0%



9.3	Trương Thị Ngọc Oanh	Vợ	- Số CMND: 352093316 - Ngày cấp: 20/02/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	174/3B Nguyễn Thái Học, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	0	0%
9.4	Trần Trương Phương Thảo	Con	- Số CMND: 352270961 - Ngày cấp: 30/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	174/3B Nguyễn Thái Học, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	0	0%
9.5	Trần Trương Phương Nga	Con	- Số CMND: 352648848 - Ngày cấp: 28/8/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	174/3B Nguyễn Thái Học, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	0	0%
9.6	Trần Đình Thịnh	Anh ruột	- Số CCCD: 027059000213 - Ngày cấp: 12/7/2018 Nơi cấp: Công an TP. HCM	Trương Phước Phan, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	0	0%
9.7	Trần Thị Thoan	Em ruột	- Số CMND: 125098541 - Ngày cấp: 28/11/2016 Nơi cấp: Công an Bắc Ninh	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	0	0%
9.8	Trần Đình Thuận	Em ruột	- Số CMND: 351244708 - Ngày cấp: 21/3/2017	Ấp An Lợi, xã Châu Lãng, Tri Tôn, tỉnh	0	0%



			Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	An Giang		
9.9	Trần Đình Thuyết	Em ruột	- Số CCCD: 027073000396 - Ngày cấp: 18/6/2018 Nơi cấp: Công an TP. HCM	Trương Phước Phan, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	0	0%
9.10	Nguyễn Thị Huệ	Chị dâu	- Số CCCD: 027163000281 - Ngày cấp: 15/7/2020 Nơi cấp: Công an TP. HCM	Trương Phước Phan, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	0	0%
9.11	Phạm Thị Ngọc	Em dâu	- Số CMND: 350191876 - Ngày cấp: 07/8/2009 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang	Áp An Lợi, xã Châu Lăng, Tri Tôn, tỉnh An Giang	0	0%
9.12	Nguyễn Thị Liệu	Em dâu	- Số CCCD: 027177000356 - Ngày cấp: 19/7/2017 Nơi cấp: Công an TP. HCM	Trương Phước Phan, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	0	0%
10	Nguyễn Hữu Hạnh	Kế toán trưởng	- Số CMND: 351483074 - Ngày cấp: 11/12/2013 - Nơi cấp: Công an An Giang	12A Phan Chánh Nhi, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên. T An Giang	900	0,004%
10.1	Nguyễn Thiện Hữu	Cha ruột	- Số CMND: 351864449	Lô 1A4 Trần	0	0%

016
TY
HÀN
G 001
ANG
N.T.A



			- Ngày cấp: 10/5/2019 - Nơi cấp: Công an An Giang	Nguyễn Đán, P. Đông Xuyên, TP Long Xuyên, An Giang		
10.2	Võ Kim Mến	Mẹ ruột		Đã mất	0	0%
10.3	Trương Văn Phương	Cha Chồng	- Số CMND: 350072144 - Ngày cấp: 03/5/2019 - Nơi cấp: Công an An Giang	2/7 Lê Sát, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
10.4	Phan Thị Liễu	Mẹ chồng	- Số CMND: 350585438 - Ngày cấp: 03/5/2019 - Nơi cấp: Công an An Giang	2/7 Lê Sát, P. Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
10.5	Trương Anh Vũ	Chồng	- Số CMND: 351305915 - Ngày cấp: 20/3/2019 - Nơi cấp: Công an An Giang	12A Phan Chánh Nhi, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên. T An Giang	0	0%
10.6	Trương Nguyễn Anh Chi	Con		12A Phan Chánh Nhi, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên. T An Giang	0	0%
10.7	Trương Bảo Long	Con		12A Phan Chánh Nhi, P. Đông Xuyên, TP. Long	0	0%





				Xuyên. T An Giang		
10.8	Nguyễn Hạnh Đào	Em ruột	- Số CMND: 352067021 - Ngày cấp: 07/6/2007 - Nơi cấp: Công an An Giang	Lô 1A4 Trần Nguyễn Đán, P. Đông Xuyên, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%
10.9	Mai Xuân Cầu	Em rể	- Số CMND: 352072456 - Ngày cấp: 07/6/2007 - Nơi cấp: Công an An Giang	Hoà Bình, Chợ Mới, An Giang	200	0,001%
10.10	Nguyễn Hữu Đức	Em ruột	- Số CMND: 352347348 - Ngày cấp: 09/9/2019 - Nơi cấp: Công an An Giang	Lô 1A4 Trần Nguyễn Đán, P. Đông Xuyên, TP Long Xuyên, An Giang	0	0%

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

Bảng 25. Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Người nội bộ

Đơn vị tính: Đồng

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị				
Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	619.831.070	556.609.692	
Trần Minh Tâm	Thành viên	42.000.000	541.818.923	
Đỗ Văn Lạc	Thành viên	93.600.000	89.800.000	
Trần Hữu Bình	Thành viên	93.600.000	89.800.000	



Đặng Anh Dũng	Thành viên	40.800.000	525.028.154	
Đinh Thị Ngọc Nga	Thành viên	511.065.229	504.316.769	
Tổng cộng		889.831.070	2.307.373.538	
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Thư ký Hội đồng quản trị				
Nguyễn Hữu Hạnh	Thư ký	93.600.000	-	
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban kiểm soát				
Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban	531.281.073	243.618.536	Miễn nhiệm ngày 29/06/2021
Võ Thị Ngọc Bích	Trưởng ban	-	241.634.000	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	45.360.000	84.500.000	
Nguyễn Kim Hiện	Thành viên	45.360.000	-	
Trần Đình Thư	Thành viên	90.720.000	84.500.000	
Tổng cộng		712.721.073	654.252.536	
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc				
Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	614.577.544		
Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	604.855.374		
Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	511.065.229		
Tổng cộng		1.730.498.147		
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Kế toán trưởng				
Võ Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng	486.771.079		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Quý 1 năm 2022
của CTCP Môi trường Đô thị An Giang

III. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất;
2. Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang;
3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2022.

An Giang, ngày 13 tháng 07 năm 2022

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN NGỌC SƠN

